

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc đề nghị phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị  
của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Thông tư số 116/2020/TT-BTC”);*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn ngày 27 tháng 04 năm 2021;*

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 278<sup>1</sup> và tại khoản 30 Điều 310<sup>2</sup> của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động của hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bộ Tài chính đã ban hành mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Phụ lục III của Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Tại Điều 5 Thông tư số 116/2020/TT-BTC có quy định: “Công ty đại chúng tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Đối chiếu với các quy định pháp luật kể trên và pháp luật liên quan khác, Hội đồng quản trị thấy rằng, để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn cần ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

<sup>1</sup> Khoản 4 Điều 278 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: “Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau: ..... 4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.”

<sup>2</sup> Khoản 20 Điều 310 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: “Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”



Từ các nội dung trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét *phê duyệt bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn* như dự thảo đính kèm, trước khi Hội đồng quản trị ban hành Quy chế này;

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
  
LÊ VŨ HOÀNG

154-C.T.C.P  
CÔNG TY  
HẠ TẦNG NƯỚC  
SÀI GÒN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 04 năm 2022

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn ngày 27 tháng 04 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số .../2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn được thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021; theo đó Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1.1 Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

##### **1.2 Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

- 2.1 Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
- 2.2 Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 3.1 Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và tại Điều 8 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

- 4.1 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị và việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 8.4 và Điều 8.5 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

- 5.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại [các Điều 26.1, 26.2](#) của Điều lệ công ty, và Điều 9.1 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

- 6.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25.4 của Điều lệ công ty, và Điều 9.2(c) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 6.2 Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6.1 trên, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 9.2(d) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 6.3 Trường hợp thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo [quy định](#), thì thành viên đó và Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 9.2(đ) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 7.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.



- 7.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 7.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29.3 của Điều lệ công ty.
- 7.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 29.4 của Điều lệ công ty, và Điều 9.8(c) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 7.5 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì thực hiện theo quy định tại Điều 29.5 của Điều lệ công ty.
- 7.6 Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký công ty được thực hiện theo quy định tại các Điều 13.1, 13.2 và 13.3 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty; các quyền và nghĩa vụ của Thư ký công ty theo quy định tại Điều 13.4 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

- 8.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26.4 của Điều lệ công ty, và Điều 9.5(a) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 8.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26.4 của Điều lệ công ty, và Điều 9.5(b) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 8.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 8.1 và Điều 8.2 trên.
- 8.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 9.5(c) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

- 9.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại các Điều 25.2, 25.3 của Điều lệ công ty, và Điều 9.3 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 9.2 Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 9.4 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 9.3 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

- 10.1 Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 9.6 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Chương III**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

- 11.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 11.2 Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27.2 của Điều lệ công ty.
- 11.3 Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 11.4 Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

- 12.1 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
  - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 12.2 Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

- 13.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong những trường hợp được quy định tại Điều lệ 14.3 của Điều lệ công ty, và theo quy định tại Điều 14.4(a) của Điều lệ công ty, và Điều 4.1(a) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 13.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại các Điều 18.2, và 18.3 của Điều lệ công ty, các Điều 4.2, 4.3, 4.4 và 4.5 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị**

- 14.1 Việc thành lập các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ công ty.

**Chương IV  
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

- 15.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ công ty, và Điều 11 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

- 16.1 Việc lập biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 11.9 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 16.2 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 11.9(a) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- 16.3 Quy định tại Điều 16.2 trên sẽ thay thế quy định tại Điều 11.10 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



## **Chương V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

- 17.1 Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
  - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 17.2 Báo cáo quy định tại các Điều 17.1(a), 17.1(b) và 17.1(c) trên phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
- 17.3 Báo cáo quy định tại các Điều 17.1 và 17.2 trên, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 18.1 Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ công ty, và Điều 10 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

- 19.1 Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 19.2 Việc kê khai quy định tại Điều 19.1 trên phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được

thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- 19.3 Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

- 20.1 Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 20.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- 20.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành**

- 21.1 Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

- 22.1 Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 22.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**Chương VII**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23.    Hiệu lực thi hành**

- 23.1   Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 4 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**